

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HS-ST
Ngày 25-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trần Đông
2. Ông Hoàng Sĩ Thạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Liêng Thị Kim Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Võ Tấn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2021/HSST ngày 17 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lâm B, sinh năm 1982 (tên gọi khác: không có). Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm B1, sinh năm 1964 và bà Thạch Thị T sinh năm 1966. Bị cáo đã ly hôn vợ và 01 người con tên Lâm Tâm N, sinh năm 2010; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 30/7/2004, bị ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng, về hành vi cố ý gây thương tích; Ngày 11/5/2007, bị ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục, về hành vi gây rối trật tự công cộng; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ ngày 13/7/2020, đến ngày 22/7/2020 chuyển sang tạm giam đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Hữu L, sinh năm 1993 (tên gọi khác: Kẹo, Đúng). Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp C, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ (đã chết) và bà Võ Thị Đ1 sinh năm 1963; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; Bị

cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ ngày 13/7/2020, đến ngày 22/7/2020 chuyển sang tạm giam đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lâm B:

Ông Trầm Phú L1, là Luật sư của Công ty luật TNHH Thái Hải, Chi nhánh tỉnh Trà Vinh, thuộc Đoàn Luật sư TP. HCM. Có mặt

Ông Phạm Minh L2, là Luật sư của Văn Phòng luật sư Minh Luận, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị hại: Ông Trần Văn S, sinh năm 1970 (chết ngày 13/7/2020).

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của bị hại:

- Bà Cao Thị T, sinh năm 1970. Nơi cư trú: ấp C, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh (là vợ của bị hại). Có mặt

- Anh Trần Văn Q, sinh năm 1990. Nơi cư trú: ấp C, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh (là con của bị hại). Có mặt

- Chị Trần Thị Thúy H, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp C, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh (là con của bị hại). Có mặt

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Cao Thị T, chị Trần Thị Thúy H: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1990. Nơi cư trú: ấp C, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh (văn bản ủy quyền ngày 31/12/2020). Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Lâm S1, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp E, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

- Người tham gia tố tụng khác (người làm chứng/người chứng kiến):

Ông Lâm Văn H1, sinh năm 1950. Nơi cư trú: ấp F, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

Ông Đặng Văn C, sinh năm 1984. Nơi cư trú: ấp Y, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

Ông Trần Văn T1, sinh năm 1971. Nơi cư trú: ấp C, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 16/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải đã truy tố các bị cáo Lâm B, Trần Hữu L về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, với nội dung như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 12/7/2020, Lâm B, Trần Hữu L, ông Trần Văn S, ông Đặng Văn C và một số người khác uống rượu tại nhà ông Lâm Văn H1, sinh năm 1950; nơi cư trú ấp F, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Trong lúc uống rượu

được một lúc thì ông C về trước, do ông S và L về cùng đường nên B nhờ ông S khi nào về thì chờ L về cùng nhưng bị ông S từ chối nên sau đó L đi bộ về trước, còn B ở lại và xảy ra cự cãi với ông S. Vì ông S từ chối chờ L về nên B đến nhà L hỏi mượn cây dao tự chế đi tìm ông S chém, mượn được cây dao B quay lại nhà ông H1 tìm ông S chém nhưng không gặp. Sau đó, B đi bộ đến quán của bà Sa R (Sa R) tại ấp E, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh uống rượu, bia.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày 12/7/2020, không thấy B mang cây dao trả nên L mượn xe mô tô của ông C đi tìm B và tại quán của bà Sa R (Sa R) L gặp B và kêu B trả cây dao, nhưng B không trả rồi nói L đi nhà ông S. L đồng ý và điều khiển xe mô tô chở B mang cây dao đến nhà ông S nhưng để cây dao ở đầu đường vào nhà ông S. Khi đến trước sân nhà, B và L kêu ông S ra nói chuyện, ông S từ phía sau nhà đi ra đứng đối diện cách B khoảng 01 mét, L đứng cạnh bên phải của B. Trong lúc nói chuyện hai bên xảy ra cự cãi. Sau đó, ông S xảy ra xô xát, đánh nhau với L và L kêu B lấy cây dao chém ông S, B liền chạy ra chỗ để cây dao trước đó, tay phải cầm dao chạy đến đứng đối diện với ông S, khoảng cách 01 mét, tay trái B cầm vỏ dao, tay phải B cầm cán dao, rút dao ra khỏi vỏ chém trúng vào tay phải của ông S gây thương tích, B tiếp tục dùng tay phải cầm dao chém thêm 01 cái từ trên xuống, ông S dùng tay phải đỡ nên trúng vào cẳng tay phải gây thương tích. Sau đó, B cầm dao đi ra chỗ đậu xe, L đi lại định điều khiển xe về thì bị ông S ngăn cản, L và ông S tiếp tục xô xát, L kêu B đưa dao cho L, tay phải L cầm dao đi đến đối diện ông S đang bị té trong tư thế ngồi nghiêng thấp người, mông không chạm đất, tay phải L cầm dao chém 01 cái từ trên xuống trúng vào vùng đầu ông S gây thương tích, tay phải L tiếp tục cầm dao chém thêm 01 cái từ trên xuống, ông S xoay người sang bên phải và đưa tay trái lên đỡ nên L chém trúng vào cánh tay trái của ông S gây thương tích. Sau đó, tay phải L cầm dao chém thêm nhiều cái trúng vào người ông S gây thương tích. Thấy ông S bị thương, L đưa dao cho B cầm rồi điều khiển xe chở B về, trên đường đi B cất giấu cây dao. Ông S được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh, đến sáng ngày 13/7/2020 ông S tử vong tại Bệnh viện. Cùng ngày 13/7/2020 B và L đến Công an xã B, huyện D đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi dùng dao chém ông S gây thương tích. Đồng thời, B tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Duyên Hải cây dao đã sử dụng gây thương tích cho ông S.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Duyên Hải lập biên bản người phạm tội ra đầu thú, đồng thời ra quyết định tạm giữ Lâm B và Trần Hữu L. Vào ngày 14/7/2020 đại diện bị hại làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 01/20/GĐHS ngày 22/7/2020 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Trà Vinh kết luận thương tích của ông Trần Văn S như sau: Vết thương trung bình vùng đỉnh đầu tỷ lệ 02%; Vết thương trung bình 1/3 dưới cánh tay trái. Tỷ lệ 02%; Vết thương trung bình 1/3 giữa mặt sau cẳng tay phải tỷ lệ 02%; Hai vết xây sát da vùng lưng tỷ lệ 02%; Vết thương nhỏ 1/3 dưới mặt ngoài cẳng tay phải tỷ lệ 1%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ

thể do thương tích gây nên theo hồ sơ bệnh án của ông Trần Văn S là 09%. Gia đình bị hại không đồng ý với kết quả giám định nên đã yêu cầu giám định lại.

Tại Bản kết luận giám định pháp y qua hồ sơ số 4812/C09B ngày 06/10/2020 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của ông Trần Văn S như sau: Vết thương vùng đỉnh đầu 02%; Vết thương 1/3 dưới cánh tay trái 02%; Vết thương 1/3 giữa mặt sau cẳng tay phải 02%; Vết thương 1/3 dưới mặt ngoài cẳng tay phải 01%; Hai vết xay xát da vùng lưng, mỗi vết 02%; Vết hằn xương sọ (vết đứt xương) 05%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của ông Trần Văn S là 15%. Các thương tích trên người nạn nhân do vật sắc, vật sắc nhọn có trọng lượng lớn tác động gây ra. Không xác định được chiều hướng cụ thể cho từng thương tích.

Do có sự chênh lệch nhiều về tỷ lệ thương tích giữa hai lần giám định, nên ngày 13/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Duyên Hải đã trưng cầu Phân viện Pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định lại lần thứ hai tỷ lệ thương tích, cơ chế hình thành vết thương đối với bị hại Trần Văn S.

Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ lần II số 21/20/GĐHS ngày 18/12/2020 của Phân viện Pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Vết thương kích thước nhỏ vùng đỉnh - chẩm trái 01%; Mề bàn ngoài xương sọ 05%; Vết rách da cơ kích thước lớn mặt sau 1/3 dưới cánh tay trái 03%; Vết rách da cơ kích thước lớn mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải 03%; Vết rách da kích thước nhỏ mặt ngoài 1/3 dưới cẳng tay phải 01%; Hai vết xước da vùng lưng 02%; Vết xước da mặt trước 1/3 trên cẳng tay phải 01%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do vết thương gây nên tại thời điểm giám định của ông Trần Văn S là 15%; Các vết thương vùng đỉnh - chẩm trái, vùng lưng, vùng cánh tay trái và vùng cẳng tay phải có thể là yếu tố thuận lợi làm tăng nguy cơ tử vong cho nạn nhân Trần Văn S; Các vết thương trên người nạn nhân Trần Văn S là do vật sắc tác động trực tiếp gây nên; Chiều hướng tác động theo cơ thể nạn nhân: Vết thương vùng đỉnh chẩm trái theo chiều từ trên xuống dưới. Hai vết thương vùng lưng do vật tác động từ trên xuống dưới, từ phải qua trái. Các vết thương ở hai tay do vật tác động trực tiếp vào hai tay gây nên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 256/KLGD ngày 10/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận nguyên nhân chính dẫn đến ông Trần Văn S tử vong là do nhồi máu cơ tim cấp/ vết thương đầu gây chấn động não.

Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 20/20/GĐHS ngày 09/12/2020 của Phân viện Pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận nguyên nhân tử vong của nạn nhân Trần Văn S là do suy tuần hoàn cấp do nhồi máu cơ tim cấp trên cơ thể có nhồi máu cơ tim cũ và đa vết thương phần mềm, không đáp ứng điều trị.

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: Ngày 15/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Duyên Hải đã ra Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu như sau: 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại một mặt cắt sắc bén, có

tổng chiều dài 47cm, cán bằng gỗ dài 17cm, lưỡi bằng kim loại mũi nhọn dài 30cm; 01 (một) vỏ dao dùng để đựng cây dao có chiều dài 36cm.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 84F1 - 086.46 mà B và L sử dụng làm phương tiện gây thương tích cho ông S. Quá trình điều tra đã chứng minh là xe của anh Đặng Văn C. Việc L mượn xe đi gây thương tích cho ông S anh Chí hoàn toàn không biết nên không xem xét xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại bà Cao Thị T, anh Trần Văn Q và chị Trần Thị Thúy H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại với số tiền 138.334.800 đồng. Qua yêu cầu trên, bị cáo Lâm B đã tác động gia đình và được em bị cáo Lâm B là chị Lâm S1 đã đứng ra bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, không truy tố bổ sung, đề nghị với Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lâm B, Trần Hữu L phạm tội “Cố ý gây thương tích”; phân tích vai trò, vị trí từng bị cáo trong vụ án và đề nghị xử lý cụ thể như sau:

Đối với bị cáo Lâm B, đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 17; điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lâm B từ 09 năm đến 10 năm tù.

Đối với bị cáo Trần Hữu L, đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm d khoản 1 Điều 52; điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Hữu L từ 09 năm đến 10 năm tù.

Về dân sự: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo Lâm B, Trần Hữu L đồng ý liên đới bồi thường cho gia đình bị hại chi phí điều trị, mai tang cho ông S và bồi thường tiền tổn thất tinh thần tổng cộng B 138.334.800 đồng.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý tịch thu tiêu hủy vật chứng là hung khí gây án còn thu giữ.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo khai thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã mô tả và truy tố; các bị cáo cùng xác nhận vật chứng được đưa ra xem xét tại phiên tòa gồm 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại một mặt cắt sắc bén, có tổng chiều dài 47cm, cán bằng gỗ dài 17cm, lưỡi bằng kim loại mũi nhọn dài 30cm cùng với 01 (một) vỏ dao dùng để đựng cây dao có chiều dài 36cm là của bị cáo L và chính là hung khí các bị cáo dùng gây thương tích cho bị hại.

Bị cáo Lâm B không yêu cầu bị cáo L hoàn trả một phần số tiền mà bị cáo tác động gia đình đã bồi thường cho gia đình bị hại 10.000.000đ.

Anh Trần Văn Q đại diện gia đình bị hại trình bày là con của bị hại ông Trần Văn S. Sau khi ông S bị các bị cáo B, L chém và được đưa đi cấp cứu và do bị chém mất nhiều máu nên đến ngày 13/7/2020 ông S tử vong, anh đại diện cho mẹ và em gái là bà Cao Thị T, chị Trần Thị Thúy H yêu cầu bị cáo Lâm B và bị cáo

Trần Hữu L cùng liên đới bồi thường thiệt hại tổng cộng 138.334.800 đồng và yêu cầu Hội đồng xét xử xử các bị cáo thật nghiêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lâm S1 khai là em ruột của bị cáo Lâm B. Bị cáo Lâm B có nhờ chị đứng ra bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại 10.000.000 đồng. Nhưng chị không yêu cầu hai bị cáo hoàn trả cho chị về số tiền 10.000.000 đồng này.

Những người bào chữa cho bị cáo Lâm B cùng có quan điểm thống nhất nội dung cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo Lâm B về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự với vai trò đồng phạm là đúng pháp luật, không oan sai. Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đề nghị cho bị cáo Lâm B được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, còn đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để kéo tuột khung cho bị cáo Lâm B do bị cáo Lâm B chỉ phạm tội do nhất thời và vai trò đồng phạm thứ yếu, các vết thương bị cáo Lâm B gây ra cho bị hại là 4% thấp hơn vết chém do bị cáo L gây ra. Sau khi sự việc xảy ra gia đình bị cáo Lâm B có thăm hỏi và bồi thường một phần thiệt hại để khắc phục hậu quả, bị cáo Lâm B biết lỗi nên tự nguyện ra đầu thú khai báo thành khẩn toàn bộ hành vi phạm tội, không gây cản trở cho hoạt động điều tra.

Bị cáo B không tự bào chữa, thống nhất với quan điểm phát biểu của những người bào chữa cho bị cáo và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo L không tự bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Anh Trần Văn Q đại diện gia đình bị hại có ý kiến tranh luận yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết côn đồ cho hai bị cáo. Vì các bị cáo cầm cây dao đến tận nhà để gây thương tích cho cha anh dẫn đến tử vong.

Chị Lâm S1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên tranh luận đối đáp với những người bào chữa cho bị cáo Lâm B như sau: Trước khi đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, hình phạt cho bị cáo Lâm B là Kiểm sát viên đã có xem xét tính chất, mức độ và hành vi cụ thể của bị cáo Lâm B. Việc những người bào chữa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để kéo tuột khung cho bị cáo Lâm B là không có cơ sở chấp nhận. Vì bị cáo Lâm B là người chủ động mượn dao bị cáo L, là người khởi xướng dùng dao chém bị hại và là người trực tiếp đưa dao cho bị cáo L cùng chém bị hại nên không thể so sánh nói vai trò của bị cáo Lâm B là thứ yếu, chỉ vì lý do nhỏ nhất là bị hại không chở bị cáo L về nhà, rõ ràng đây là hành vi có tính chất côn đồ, thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác.

Những người bào chữa cho bị cáo Lâm B đối đáp lại như sau: Bị cáo Lâm B lúc đầu đã để dao bên ngoài, chỉ khi ông S chặn xe không cho bị cáo L về nên trong lúc say, xô xát nhau và do tức giận bị hại chửi và không kiềm chế được nên nhất thời chém bị hại, hành vi này không thể nói là côn đồ.

Kiểm sát viên tranh luận đối đáp với những người bào chữa cho bị cáo Lâm B như sau: Theo quy định của pháp luật thì việc các bị cáo say rượu, bia không phải là tình tiết để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không thể nói bị cáo B phạm tội vì nhất thời trong lúc say.

Bị cáo L nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại và gia đình bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về nhà lo cho cha mẹ già.

Bị cáo B nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về lo cho gia đình, lo cho con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào các lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, cũng như việc đối chiếu vật chứng đưa ra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của những người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản thực nghiệm điều tra; biên bản khám nghiệm tử thi, bản giám định pháp y cùng các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Giữa bị cáo B với bị hại ông S không có mâu thuẫn từ trước mà vì trong buổi sáng cùng ngày 12/7/2020, tại nhà ông Lâm Văn H1 thuộc ấp F, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh trong lúc uống rượu, bia bị cáo B có nhờ ông S chở bị cáo L về nhà, nhưng ông S từ chối nên bị cáo B tức giận trong lòng, có ý định chém ông S nên đi đến nhà bị cáo L mượn cây dao rồi quay lại nhà ông H1 để chém ông S mà không gặp ông S. Bị cáo B vẫn không bỏ ý định chém ông S nên khi gặp lại bị cáo L tại quán của bà Sa R (Sa R), bị cáo kể việc tức giận ông S rồi sau đó cả hai bị cáo thống nhất với nhau mang theo cây dao đến nhà ông S, nhưng đến đầu đường vô nhà ông S thì để dao lại đây. Vô đến nhà ông S gặp mặt ông S bị cáo B hỏi chuyện một câu thì bị cáo B đã dùng tay đánh vào mặt ông S, liên tiếp sau đó bị cáo B chạy ra đầu đường lấy cây dao là hung khí nguy hiểm để tấn công chém ông S, tiếp theo bị cáo B đưa dao cho bị cáo L cùng chém ông S gây thương tích, đây là sự việc có thật.

[2] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định về mặt chủ quan là sau khi hai bị cáo gặp nhau tại quán bà Sa R (Sa R), bị cáo L chở bị cáo B mang theo cây dao đi nhà ông S. Tại phiên tòa, mặc dù các bị cáo khai mục đích đem theo cây dao đến nhà ông S là để nói chuyện. Nhưng với thái độ, cách hành xử của bị cáo B khi gặp ông S mới hỏi ông S được một câu thì đã đánh vào mặt ông S trước, bị cáo L đứng đó nhìn và không can ngăn, mà tiếp tục xảy ra xô xát với ông S rồi sau đó bị cáo L kêu bị cáo B lấy dao để bị cáo chém ông S, bị cáo B khi lấy được dao thì chạy vô tấn công chém ông S hai cái từ trên xuống trúng vào tay phải ông S, xong bị cáo B đưa dao cho bị cáo L chém ông S liên tục nhiều nhất trúng vào đỉnh đầu, lưng, tay phải, tay trái. Tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về đồng phạm như sau: “*Đồng phạm là trường hợp có hai*

người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm”. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” với vai trò đồng phạm; tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[3] Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông S được tính bằng nguyên tắc cộng lùi theo quy định là 15%, cụ thể như sau: Vết thương kích thước nhỏ vùng đỉnh - chẩm trái 01%; Mề bàn ngoài xương sọ 05%; Vết rách da cơ kích thước lớn mặt sau 1/3 dưới cánh tay trái 03%; Vết rách da cơ kích thước lớn mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải 03%; Vết rách da kích thước nhỏ mặt ngoài 1/3 dưới cẳng tay phải 01%; Hai vết xước da vùng lưng 02%; Vết xước da mặt trước 1/3 trên cẳng tay phải 01%; Nguyên nhân chính dẫn đến ông Trần Văn S tử vong là do nhồi máu cơ tim cấp/vết thương đầu gây chấn động não/suy tuần hoàn cấp do nhồi máu cơ tim cấp trên cơ thể có nhồi máu cơ tim cũ và đa vết thương phần mềm, không đáp ứng điều trị. Do đó cáo trạng số 06/CT-VKS-HS ngày 16/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Lâm B và bị cáo Trần Hữu L về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng làm chết người quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Tội phạm các bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, hành vi gây án của các bị cáo rất mạnh động, liều lĩnh đã gây mất an ninh, trật tự ở địa phương và gây lo sợ cho quần chúng nhân dân và bức xúc trong dư luận. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, tức là các bị cáo đều nhận thức được hành vi dùng dao là loại hung khí nguy hiểm tấn công vào người bị hại là sẽ gây tổn hại về sức khỏe và tính mạng của bị hại. Nhưng với bản chất hành xử côn đồ, xem thường pháp luật và tính mạng, sức khỏe người khác, thích giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực.

[5] Vị trí, vai trò của từng bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá các bị cáo có vị trí, vai trò cùng thực hiện tội phạm trong vụ án như nhau là có cơ sở chấp nhận. Quan điểm của những người bào chữa cho bị cáo B cho rằng bị cáo B chỉ có vai trò thứ yếu là không có cơ sở chấp nhận. Rõ ràng bị cáo B là người âm thầm có chủ ý tìm ông S để chém trút giận, để chuẩn bị hành động bị cáo tìm gặp bị cáo L mượn cây dao trước, khi gặp mặt ông S tấn công đánh vào mặt ông S trước và cũng là người dùng dao tấn công chém ông S trước, xong còn đưa dao cho bị cáo L cùng chém ông S. Với chuỗi hành động này thì không thể vì tỷ lệ thương tích các vết chém mà bị cáo B gây ra cho ông S thấp để so sánh cho rằng bị cáo có vai trò đồng phạm thứ yếu như quan điểm đối đáp của những người bào chữa cho bị cáo đưa ra. Đối với bị cáo L, trong lúc xô xát với ông S, chủ động kêu bị cáo B đưa dao để chém ông S, các vết chém do bị cáo gây ra cho ông S có tỷ lệ thương tích nhiều hơn bị cáo B và cũng là nguyên nhân dẫn đến ông S tử vong. Tuy vậy, các bị cáo khi thực hiện tội phạm không có sự bàn bạc, phân chia vai trò cụ thể trước mà cùng tham gia với vai trò là người thực hành tích cực.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử tại phần [5] và hành vi dùng dao là loại hung khí nguy hiểm chém vào bị hại là thể hiện sự coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác và coi thường pháp luật nên đề nghị này của Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận. Quan điểm của những người bào chữa cho bị cáo Lâm B tranh luận đối đáp cho rằng bị cáo B có vai trò thứ yếu và không chịu trách nhiệm hình sự ngang bị cáo L là không phù hợp với vị trí, vai trò; tính chất, mức độ hành vi của bị cáo B như Hội đồng nhận định tại phần [4], [5] và nhân thân bị cáo B đã từng bị ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng về hành vi cố ý gây thương tích (năm 2004); bị ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục về hành vi gây rối trật tự công cộng (năm 2007), nhưng bị cáo vẫn không biết ăn năn hối cải mà lại tiếp tục cầm hung khí nguy hiểm gây án. Đối với bị cáo L là có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, tự nguyện ra đầu thú. Riêng bị cáo B đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, những người bào chữa cho bị cáo B và đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo B được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo L chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Phần tranh luận, những người bào chữa cho bị cáo B đưa ra các tình tiết giảm nhẹ, phân tích và viện dẫn quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hình phạt dưới khung hình phạt liền kề cho bị cáo B và phần tranh luận đối đáp của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo B. Hội đồng xét xử xét thấy, như đã nhận định tại phần [4], [5] và [6] của Hội đồng xét xử xử: Quan điểm tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận. Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo B là không được chấp nhận. Vì với chuỗi hành vi của bị cáo B trong vụ án như đã được nhận định, phân tích trên thì đáng lẽ bị cáo B phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo L, nhưng Hội đồng xét xử đã xem xét, cân nhắc toàn diện hết các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho từng bị cáo, nên buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau là đúng quy định pháp luật và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị địa phương trong công tác đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này trên địa bàn huyện Duyên Hải.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa, giữa bị cáo B và bị cáo L cùng với người đại diện hợp pháp của bị hại là anh Quy thống nhất thỏa thuận hai bị cáo đồng ý liên đới bồi thường thiệt hại về chi phí điều trị (9.000.000đ), mai tang (54.334.800đ) và tiền bù đắp tổn thất tinh thần 50 tháng lương cơ sở B 74.500.000đ (50 tháng x 1.490.000đ = 74.500.000đ) theo yêu cầu tính tròn tổng

cộng B 138.334.800 đồng, mỗi bị cáo đồng ý bồi thường 1/2 B 69.167.400 đồng, sự thỏa thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 (một) cây dao tự chế B kim loại chính là hung khí mà các bị cáo sử dụng gây án, đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy. Đối với xe mô tô bị cáo Trần Hữu L dùng để chở bị cáo Lâm B là mượn của ông Đặng Văn C, ông C không biết bị cáo L mượn đi đâu nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ, đúng pháp luật.

[10] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và các bị cáo còn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 5% tương ứng với nghĩa vụ từng bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại về trách nhiệm dân sự cho gia đình bị hại số tiền 138.334.800 đồng.

[11] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố và thấy rằng các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 134; Điều 17, Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lâm B phạm tội “Cố ý gây thương tích”: Xử phạt bị cáo Lâm B 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 7 năm 2020.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 134; Điều 17, 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Hữu L phạm tội “Cố ý gây thương tích”: Xử phạt bị cáo Trần Hữu L 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 7 năm 2020.

Việc bồi thường thiệt hại: Căn cứ các Điều 584, 585, 587, 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận về việc: Bị cáo Lâm B, bị cáo Trần Hữu L đồng ý liên đới bồi thường thiệt hại tiếp cho gia đình bị hại tổng số tiền 138.334.800 đồng. Trong đó, mỗi bị cáo đồng ý bồi thường $\frac{1}{2}$ bằng 69.167.400đ (*B chữ*: sáu mươi chín triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về vật chứng: Căn cứ các vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau đây:

- 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại một mặt cắt sắc bén, có tổng chiều dài 47cm, cán bằng gỗ dài 17cm, lưỡi bằng kim loại mũi nhọn dài 30cm;
- 01 (một) vỏ dao dùng để đựng cây dao có chiều dài 36cm.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lâm B và bị cáo Trần Hữu L mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lâm B và bị cáo Trần Hữu L mỗi bị cáo chịu 3.458.370 đồng án dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Đương sự; người bào chữa;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cơ quan CSĐTCA huyện Duyên Hải;
- Cơ quan THAHSCA huyện Duyên Hải;
- Nhà tạm giữ CA huyện Duyên Hải;
- Chi cục THA dân sự huyện Duyên Hải;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Thị Hồng Nga